

Bài 23

KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 – 1975)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

1. Về kiến thức

Có những hiểu biết về nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau Hiệp định Pari năm 1973 nhằm tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam ; về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 ; về ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

2. Về kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích, nhận định, đánh giá về âm mưu, thủ đoạn của địch sau Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam ; điều kiện và thời cơ sau khi Mĩ rút hết quân về nước ; chủ trương, kế hoạch đúng đắn, sáng tạo, linh hoạt giải phóng hoàn toàn miền Nam ; tinh thần chiến đấu, ý chí thống nhất Tổ quốc ; ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

3. Về thái độ

Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, tình cảm ruột thịt Bắc – Nam, niềm tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Về nội dung

– Nội dung bài học đề cập đến giai đoạn từ sau Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam (27 – 1 – 1973), quân Mĩ rút hết về nước (29 – 3 – 1973), đến khi kết thúc Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn (30 – 4 – 1975), giải phóng hoàn toàn miền Nam (2 – 5 – 1975).

– Từ sau Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam đến khi giải phóng hoàn toàn miền Nam (2 – 5 – 1975), miền Bắc trở lại hoà bình, thực hiện những nhiệm vụ tất yếu sau chiến tranh là khắc phục hậu quả chiến

tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, dồn sức chi viện cho tiền tuyến để giải phóng hoàn toàn miền Nam. Quân dân miền Nam tận dụng điều kiện thuận lợi sau Hiệp định Pari với việc Mĩ và đồng minh rút hết quân về nước, đẩy mạnh đấu tranh chống địch "bình định – lấn chiếm", tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn.

– Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 với ba chiến dịch lớn, nối tiếp và xen kẽ nhau là chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4 đến ngày 24 – 3 – 1975), chiến dịch Huế – Đà Nẵng (từ ngày 21 đến ngày 29 – 3 – 1975), Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26 đến ngày 30 – 4 – 1975). Chiến dịch Hồ Chí Minh, đỉnh cao thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 ; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta ; hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

2. Về phương pháp

Sử dụng phương pháp phân tích, nhận định, đánh giá về âm mưu, thủ đoạn của địch sau Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam ; thời cơ, chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam ; ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

- Ảnh, lược đồ chiến sự trong SGK.
- Tài liệu tham khảo trong SGV.
- Tham khảo thêm *Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập III (1945 – 2000)*, NXB Giáo dục xuất bản các năm 1998 – 2004.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Mở bài

Mở đầu bài mới, GV có thể đặt câu hỏi : Sau Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam, cách mạng từng miền Bắc – Nam thực hiện những nhiệm vụ gì ? (miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam. Miền Nam đấu tranh chống địch "bình định – lấn chiếm", tạo thế và lực tiến tới cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc).

2. Dạy và học bài mới

Mục I – Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam

GV giảng bài theo ba ý lớn :

– Hoàn cảnh lịch sử mới (thuận lợi đối với cách mạng nước ta) và nhiệm vụ cách mạng miền Bắc sau Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam.

– Miền Bắc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế. Thành tựu đạt được về các mặt : đến cuối tháng 6 – 1973 ; sau hai năm 1973 – 1974 ; đến cuối năm 1974.

– Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương. Thành tích chi viện về sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam, cho chiến trường Lào, Campuchia trong hai năm 1973 – 1974 và đầu năm 1975 ; tác dụng của nguồn nhân lực, vật lực mà miền Bắc chi viện cho miền Nam.

Mục II – Miền Nam đấu tranh chống địch "bình định – lấn chiếm", tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn

GV giảng bài theo hai ý lớn :

– Âm mưu, hành động của Mỹ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pari, tiếp tục chiến tranh.

– Đấu tranh của nhân dân ta chống âm mưu, hành động của Mỹ và chính quyền, quân đội Sài Gòn :

GV nhấn mạnh để HS hiểu rõ hoàn cảnh lịch sử mới, thuận lợi cho cuộc đấu tranh :

Cuộc đấu tranh trước khi có Nghị quyết 21 (7 – 1973) của Đảng : kết quả còn hạn chế, có nhiều tồn thaat.

Từ khi có Nghị quyết 21 của Đảng, cuộc đấu tranh được đẩy mạnh, giành thắng lợi ngày càng to lớn trên các mặt trận : mặt trận quân sự với hoạt động quân sự Đông – Xuân 1974 – 1975, đỉnh cao là chiến thắng Đường 14 – Phước Long (6 – 1 – 1975) ; mặt trận chính trị – ngoại giao ; hoạt động đấu tranh, xây dựng, tạo nguồn dự trữ chiến lược tại các vùng giải phóng.

Mục III – Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc

GV giảng bài theo hai mục như trong SGK.

1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam

GV trình bày theo hai ý lớn :

– GV đặt câu hỏi để định hướng nhận thức của HS : Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam trong hoàn cảnh lịch sử cuối năm 1974 đầu năm 1975 như thế nào ? Hoàn cảnh lịch sử thuận lợi (thời cơ) để từ đó Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch (việc Mĩ và đồng minh rút hết quân sau Hiệp định Pari đã làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta. Thực tế địch và ta trên chiến trường sau chiến thắng Phước Long của quân ta ngày 6 – 1 – 1975).

– Về nội dung chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam, GV hướng dẫn HS nắm kiến thức như trong SGK.

2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

GV giảng bài theo hai ý lớn :

– *Điễn biến :*

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã diễn ra trong gần hai tháng – từ ngày 4 – 3 đến ngày 2 – 5 – 1975, qua ba chiến dịch lớn, nối tiếp và xen kẽ nhau :

+ Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4 – 3 đến ngày 24 – 3) : Từ trận đánh nghi binh của quân ta ở Plâyku – Kon Tum (4 – 3), bắt đầu cuộc tiến công vào Buôn Ma Thuột (10 – 3), giành thắng lợi (11 – 3) đến khi Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng (24 – 3 – 1975).

+ Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (từ ngày 21 – 3 đến ngày 29 – 3) : Bắt đầu từ trận đánh của quân ta vào căn cứ địch ở Huế (21 – 3), chặn các đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vây chúng trong thành phố, đến khi Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng (29 – 3 – 1975).

+ Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26 – 4 đến ngày 30 – 4) : Từ khi 5 cánh quân của quân ta được lệnh vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng (17 giờ ngày 26 – 4 – 1975), đến khi xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn (10 giờ 45 phút ngày 30 – 4 – 1975). Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện, lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc Lập (11 giờ 30 phút ngày 30 – 4 – 1975).

– *Kết quả, ý nghĩa :*

Nếu có thời gian, GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm về vấn đề này. Dựa vào SGK và định hướng của GV, HS nhận thức được :

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1 triệu quân chủ lực của quân đội Sài Gòn, đập tan bộ máy chính quyền Sài Gòn từ Trung ương đến địa phương. Trên cơ sở đó, chính quyền cách mạng được thành lập, nhân dân làm chủ hoàn toàn miền Nam.

+ Chiến dịch Hồ Chí Minh, đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, giành thắng lợi. Đó là thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất của ta trong 21 năm chống Mĩ cứu nước ; là một trong những thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Nó như một trận Bạch Đằng, một trận Chi Lăng, một trận Ngọc Hồi – Đống Đa trong thế kỉ XX.

+ Đây là thắng lợi quyết định, đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước 21 năm, đồng thời quyết định kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

+ Thắng lợi này của ta đồng thời đã tạo ra điều kiện thuận lợi và thời cơ lớn cho cách mạng Campuchia và Lào tiến lên giải phóng hoàn toàn đất nước, cổ vũ các dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Mục IV – Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975)

GV hướng dẫn HS nắm kiến thức theo hai mục trong SGK :

- Nguyên nhân thắng lợi.
- Ý nghĩa lịch sử.

3. Sơ kết bài học

– Sau Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, Mĩ rút hết quân về nước. Lợi dụng điều kiện thời cơ thuận lợi đó, miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam ; miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chống địch "bình định – lấn chiếm", tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn.

– Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh, đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Đó là chiến thắng quyết định, đã kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước, đồng thời kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Thắng lợi đó đã mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

Câu 1. Để trả lời được câu hỏi này, GV cần hướng dẫn HS lập bảng hệ thống theo gợi ý sau :

Mặt trận	Thời gian	Thắng lợi có ý nghĩa chiến lược
Quân sự		
Chính trị		
Ngoại giao		

Câu 2. Về những thành tựu chủ yếu của miền Bắc trong sản xuất, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ và thực hiện nghĩa vụ hậu phương (1954 – 1975), HS cần có tư duy tổng hợp, hệ thống. Cần nêu được những thành tựu chung qua các giai đoạn : 1954 – 1957 ; 1958 – 1960 ; 1961 – 1965 ; 1965 – 1968 ; 1969 – 1972 ; 1972 – 1973 ; 1973 – 1975.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Những lời tuyên bố của Tổng thống Pho trong tháng 4 – 1975 trước sự tiến công như vũ bão của quân ta

3 – 4, "Tình hình (của bọn Thiệu) là bi đát".

4 – 4, "Điều chúng ta đang thấy diễn ra ở Nam Việt Nam hiện nay là một tấn bi kịch lớn" ... "Những diễn biến đó ngoài tầm kiểm soát của Mĩ".

18 – 4, "Tôi đã ra lệnh di tản bớt người Mĩ khỏi Sài Gòn".

23 – 4, "Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc đối với người Mĩ". "Vai trò của Mĩ ở Việt Nam đã chấm dứt và Mĩ không có lợi gì mà tiến hành trở lại một cuộc chiến tranh hao người tốn của đã quá nhiều".

"Sự sụp đổ của tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu ở Sài Gòn là tấn thảm kịch và Mĩ rất lấy làm buồn phiền về những biến cố ở Đông Dương".

30 – 4, "Tôi yêu cầu người Mĩ hãy siết chặt hàng ngũ, hãy lâng quên cuộc chiến tranh Việt Nam để tránh việc cãi vã về quá khứ, để nhìn vào tương lai, vào mục tiêu mà chúng ta cần chia sẻ và để cộng tác với nhau trong nhiệm vụ lớn lao còn phải thực hiện để hàn gắn vết thương đất nước".

(Theo : Báo Nhân dân, tháng 4 – 1975)

2. Thành tích chiến đấu của quân và dân miền Nam đánh thắng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mĩ (từ năm 1961 đến năm 1975)

	Toàn bộ	Chia ra ⁽¹⁾				
		1961–1965	1965–1968	1969–1973	1974	1975
– Quân Mĩ chết	58191 ⁽²⁾	303	30268	27623		
– Quân nguy chết, bị thương và bị bắt (nghìn tên)	4251,3	301,8	893,5	1450,0	255,0	1351
– Đơn vị bị loại khỏi vòng chiến đấu (đơn vị)						
+ Sư đoàn	22		1 ⁽³⁾	8		13 ⁽⁴⁾
+ Trung đoàn	87		8	46		33
+ Tiểu đoàn	1393	9	377	517	43	447
+ Đại đội	4517	71	1661	2200	415	170
Phương tiện chiến tranh ta thu và phá huỷ (chiếc)						
+ Máy bay	33068	1.433	12667	16600	518	1850
+ Xe tăng, xe bọc thép	38835	273	12626	22750	1112	2074
+ Tàu, xuồng chiến đấu	7492	522	1463	3480	416	1611
+ Đại bác	13153		1850	7500	2143	1660

(Theo : Tổng cục Thống kê, *Việt Nam – con số và sự kiện 1945 – 1989*,
NXB Sự thật, H., 1990)

(1) 1961 – 1965 : "Chiến tranh đặc biệt"

1965 – 1968 : "Chiến tranh cục bộ"

1969 – 1973 : "Việt Nam hoá chiến tranh "

(2) Dẫn theo thú nhận của Mĩ trong cuốn *Mác Namara : Nhìn lại quá khứ – tân thảm kịch và bài học về Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1995.

(3) Lữ đoàn.

(4) Không tính các sư đoàn không quân.

3. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là cuộc chiến tranh dài ngày và tốn kém nhất trong lịch sử nước Mĩ⁽¹⁾

	Thời gian chiến tranh (tháng)	Chi phí cho chiến tranh (tỉ USD ⁽²⁾)	Số quân lính chết, bị thương, bị bắt (nghìn tên)
Chiến tranh xâm lược Việt Nam	222	676	360,0 ⁽³⁾
Chiến tranh xâm lược Triều Tiên	36	54	136,9
Chiến tranh thế giới thứ hai (Mĩ tham chiến)	42	341	962,4
Chiến tranh thế giới thứ nhất (Mĩ tham chiến)	16	25	257,4
Chiến tranh chống thực dân Anh giành độc lập	13	0,8	10,6

(Theo : Tổng cục Thống kê, *Việt Nam – con số và sự kiện 1945 – 1989*, NXB Sự thật, H., 1990, tr. 77)

4. Viện trợ quân sự của Mĩ cho nguy quyền Nam Việt Nam từ năm 1955 đến năm 1975

Năm	Tiền viện trợ (tỉ USD)	Năm	Tiền viện trợ (tỉ USD)
1955	234,8	1966	862,0
1956	180,0	1967	1203,5
1957	162,8	1968	1054,5
1958	144,3	1969	1608,2
1959	143,0	1970	1692,6
1960	164,0	1971	1882,5
1961–62	750,0	1972	2382,0
1963	211,5	1973	2270,5
1964	216,4	1974	1026,0
1965	300,0	1975	1450,0

(Theo : Bộ Quốc phòng – Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945 – 1975)*, NXB Quân đội nhân dân, H., 1977, tr. 331)

(1) Theo số liệu công bố của Mĩ về các cuộc chiến tranh, thì thiệt hại về người và tiêu phí về của trong chiến tranh Việt Nam đứng sau Chiến tranh thế giới thứ hai và sau cuộc nội chiến của Mĩ. Thứ tự như sau : *Thời kì nội chiến ở Mĩ (1861 – 1865), có tới 490 000 người chết và bị thương/35 triệu dân. Chiến tranh thế giới thứ hai (1940 – 1945), 960 000 người chết và bị thương/135 triệu dân. Chiến tranh xâm lược Việt Nam (1960 – 1973), 360 000 người chết và bị thương/200 triệu dân.*

(2) Số liệu mới được công bố của Viện Quốc tế nghiên cứu chiến lược (IISS) Luân Đôn, chi phí cho các cuộc chiến tranh của Mĩ tính theo thời giá năm 1995 (tỉ USD) :

Chiến tranh xâm lược Việt Nam : 720, chiến tranh xâm lược Triều Tiên : 340.

Chiến tranh thế giới thứ hai (Mĩ tham chiến) : 4 000 ; Chiến tranh thế giới thứ nhất (Mĩ tham chiến) : 2350.

(3) Con số do Mĩ thừa nhận còn xa sự thật.

5. Thanh niên xung phong Việt Nam (từ năm 1950 đến năm 1975)⁽¹⁾

Thanh niên xung phong ra đời ngày 15 – 7 – 1950 theo Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược, có gần 200 000 thanh niên tham gia⁽²⁾.

– Chống Pháp : 20 000 người

– Chống Mĩ : 180 000 người

+ Ở miền Bắc : 175 000 (trong đó có 35 000 người làm nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc).

+ Ở miền Nam : 5 000 người.

Nhiệm vụ "... là một lực lượng lao động đặc biệt, quân sự hoá của thanh niên, có vũ trang, được tổ chức và xây dựng trên ba mặt : sản xuất, chiến đấu, học tập". Thực tế thanh niên xung phong đảm nhiệm 16 loại công việc khác nhau nhưng chủ yếu ở ba ngành : giao thông vận tải, lâm nghiệp và quốc phòng.

Thành tích :

– Đã mở hơn 100 con đường với tổng chiều dài 4 000 km.

– Đảm bảo giao thông ngày đêm trên 3 000 km đường, trong đó có 2 526 trọng điểm địch thường xuyên đánh phá ác liệt.

– Cùng quân đội tham gia xây dựng 6 sân bay quân sự đã chiến.

– Rà phá trên một vạn quả bom, mìn.

– Bắn rơi 15 máy bay, bắt 13 người lái, 6 biệt kích, thám báo.

Hàng vạn thanh niên xung phong sau khi hoàn thành nhiệm vụ đã được vào học tại các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và các trường dạy nghề.

Tháng 11 – 1977, thanh niên xung phong Việt Nam đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Một tập thể và bốn cá nhân được phong tặng danh hiệu anh hùng.

Trong hai cuộc kháng chiến có :

– Hơn 4 000 người hi sinh.

– Hàng vạn người bị thương.

– Hơn 8 000 người bị ảnh hưởng chất độc hoá học.

(Theo : Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị,
*Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 – 1975) :
Thắng lợi và bài học*, Sđd, tr. 577)

(1) Số liệu thống kê trên mới chỉ là của thanh niên xung phong ở Trung ương, chưa kể số liệu thanh niên xung phong ở các địa phương.

(2) Tỉ lệ nữ thanh niên xung phong chiếm bình quân 55,60%.

6. Những số liệu chủ yếu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ

Cuộc chiến tranh 30 năm (1945 – 1975) chống hai đế quốc to là Pháp và Mĩ của dân tộc ta đã đi vào lịch sử. "Uống nước nhớ nguồn" là nét đẹp trong truyền thống của dân tộc Việt Nam, chúng ta không bao giờ quên và mãi mãi khắc sâu trong lòng mỗi người dân Việt Nam những hi sinh mất mát, nhưng đầy vinh quang của :

– 1 100 000 con em các dân tộc đã chiến đấu hi sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

– 600 000 thương binh⁽¹⁾.

– 300 000 người bị mất tích trong chiến đấu.

– 2 000 000 người dân bị giết hại.

– 2 600 000 người có công với cách mạng.

– 44 269 bà mẹ Việt Nam anh hùng⁽²⁾.

– 3 119 đơn vị anh hùng (trong đó có 576 đơn vị dân quân tự vệ và 1241 anh hùng lực lượng vũ trang⁽³⁾.

– 163 tập thể anh hùng.

– 267 anh hùng lao động.

Chiến tranh cũng đã để lại hậu quả nặng nề :

+ Khoảng 2 000 000 người bị tàn tật.

+ 2 000 000 người bị nhiễm chất độc hoá học.

+ 500 000 trẻ em bị dị dạng.

(Theo : Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị,

Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 – 1975) :

Thắng lợi và bài học, Sđd, tr. 582)

(1) Thực tế chiến tranh, số người bị thương trong chiến đấu rất lớn (thường chiếm xấp xỉ tỉ lệ 3-4/1 so với hi sinh), số liệu thống kê chỉ tính số đã xếp hạng thương tật và được hưởng trợ cấp.

(2) Tính đến tháng 7 – 1999.

(3) Anh hùng lực lượng vũ trang bao gồm : quân đội nhân dân, công an nhân dân, thanh niên xung phong và dân quân tự vệ. Số liệu công bố đến tháng 6 – 1999.